

PHẬT NÓI KINH
VÔ NĂNG THẮNG PHAN VƯƠNG NHƯ LAI
TRANG NGHIÊM ĐÀ LA NI

Hán dịch: Tây Thiên, Bắc Ấn Độ, nước Ô Điền Năng, Tam Tạng của chùa Đệ Thích Cung _ Sa Môn được ban áo tía là THI HỘ phụng chiếu dịch
Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Thế Tôn ngự ở Hội nơi Thiện Pháp Đường trong Cung Đệ Thích thuộc cõi Trời Đao Lợi. Khi ấy, đột nhiên có vua A Tu La đem các bộ quyền thuộc, thống lãnh binh chúng, mỗi mỗi thân mặc áo giáp, tay cầm khí trượng, trước sau vây quanh đi đến chiến đấu, nhằm chinh phạt cung Trời Đao Lợi.

Bấy giờ, Đệ Thích Thiên Chủ dẫn các Thiên Chúng, thân khoác áo giáp báu, tay cầm khí trượng cùng nhau chiến đấu. Thời binh chúng của vua A Tu La thắng trận, chúng Thiên Đao Lợi thất bại, sợ hãi đánh xe bỏ chạy.

Lúc đó, Đệ Thích Thiên Chủ ẩn dấu dung nghi của vua Trời, hiện thành hình tướng dân thường, mau chóng dong xe đến gặp Đức Thế Tôn. Đến nơi liền cúi đầu lễ dưới chân Đức Phật rồi bạch rằng: “Thế Tôn! Nay con bị các tướng, các binh chúng của vua A Tu La đến đánh phạt. Thiên Chúng Đao Lợi lui tan, sợ hãi đánh xe bỏ chạy. Vậy có thể dùng phương tiện nào mới cứu được nạn này cho con?”

Bấy giờ, Đức Phật bảo: “Ông hãy lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà nói. Có Đà La Ni tên là **Vô Năng Thắng Phan Trang Nghiêm**. Thuở xa xưa khi Ta là Bồ Tát, có Đức Phật hiệu là **Vô Năng Thắng Phan Vương Như Lai**. Nơi Đức Phật ấy, Ta được nghe Đà La Ni này. Từ đó về sau Ta cũng vì người khác, rộng nói Pháp ấy được đại trung tường mà trong khoảng búng tay chưa từng có việc sợ hãi nào cả”

Khi ấy, Đức Phật lại bảo Đệ Thích rằng: “Nay Ta vì ông mà nói **Vô Năng Thắng Phan Trang Nghiêm Đà La Ni** ấy là:

- 1_ Đát nễ dã tha
- 2_ Nhạ dã, nhạ dã
- 3_ Vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dã
- 4_ Nhạ dã phộc hê
- 5_ Tãng yết lệ
- 6_ Bát-la bạn nhạ ninh-khánh
- 7_ Tát lật-phộc thiết đốt lỗ hách
- 8_ Nhân-cửu bà dã, thâm bà dã
- 9_ Tát-đam bà dã, tát-đam bà dã
- 10_ Mô hạ dã
- 11_ Mô hạ dã
- 12_ Bà nghiệt phộc đễ
- 13_ Nhạ dã phộc hê
- 14_ Ma tha, ma tha
- 15_ Bát-la ma tha
- 16_ Bát-la ma tha
- 17_ Cật-la tát
- 18_ Cật-la tát

- 19_ Hạ sa, hạ sa
- 20_ Hồng, hồng
- 21_ Lam mạo na lệ
- 22_ Đát-lị mật đát-lê
- 23_ Tạt đồ lật-phộc khát-đát-lê
- 24_ Tạt đồ lật-năng sắt-trí-lê
- 25_ Tạt đồ lật-bộ tề
- 26_ Yết thủy mẫu thiết la
- 27_ Đát-lị thú la
- 28_ Phộc nhật-la đà la ni
- 29_ La khát-sái, la khát-sái, hàm
- 30_ Bà nghiệt phộc đế
- 31_ Hạ năng, hạ năng
- 32_ Na hạ, na hạ
- 33_ Bát tả, bát tả
- 34_ Ma tha, ma tha
- 35_ Bát-la ma tha
- 36_ Bát-la ma tha
- 37_ Án
- 38_ Phát tra, phát tra, phát tra
- 39_ Bạh nhạ, bạh nhạ
- 40_ Tát lật-phộc tát đát-la lê
- 41_ Đạc-phộc nhạ cật-lệ
- 42_ Kế thâu lê, đế sắt-xá, đế sắt-xá
- 43_ Đát-lị tra ô lãng-yết
- 44_ Đà la ni
- 45_ Đát-lạt lộ cát-dã
- 46_ Ma tha, vĩ đặt-vật tát dã
- 47_ Ba la hàn ninh
- 48_ Tả la, tả la
- 49_ Tức lý, tức lý
- 50_ Ngu lãng, ngu lãng
- 51_ Yết la, yết la
- 52_ Chỉ lý, chỉ lý
- 53_ Củ lãng, củ lãng
- 54_ Mẫu tả tra dã hạ sa
- 55_ Vĩ đạc-vật tát dã
- 56_ Ba la tát đát-la phộc
- 57_ Bột-la ma dã
- 58_ Một đà, tát để-dựng
- 59_ Đạt lật-ma, tát để-dựng
- 60_ Tãng già, tát để-dựng
- 61_ Mạt đế, thác-la ma
- 62_ Tát để-dã, phộc nễ năng
- 63_ Tát đế-duệ năng
- 64_ Phù để ngật-la mạt
- 65_ Lam lãng nại lê
- 66_ Củ tra, củ tra

- 67_ Cũ-tri-dạ, củ tri-dạ
68_ Lỗ nại-ninh ma nẵng dẫ
69_ Vĩ sắt-nĩnh, ma nẵng dẫ
70_ Tán nại-lam, tổ lật-du , ma nẵng dẫ
71_ Đát-lạt lộ cát-dẫ
72_ Địa bát đễ-dựng, ma nẵng dẫ
73_ Tát lật-phộc nễ vật, ma nẵng dẫ
74_ Tát lật-phộc dược khắt-xoa
75_ La khắt-sát sa
76_ Nghiệt lộ trà
77_ Khẩn na la
78_ Ma hộ la nghiệt, ma nẵng dẫ
79_ Vị đặc-vật thiết-duợc
80_ Ma ma
81_ Tát lật-phộc thiết đát-la phộc
82_ Lam nga, lam nga
83_ Lam nga bá dẫ
84_ Lam nga bá dẫ
85_ Nhạ-phộc la
86_ Nhạ-phộc la
87_ Bộ sắt-ba, mạt lý nĩnh
88_ Lị chi, lị chi
89_ Đát-lị tra, đát-lị tra
90_ Bột-lị củ trí mục khur
91_ Ba la tắc niết củ lệ lê
92_ Nại nẵng yết la ni
93_ Hạ hạ
94_ Hê hê
95_ Hổ hổ
96_ Tứ tứ
97_ Lị ni, lị ni
98_ Lị noa ma đế
99_ Nhận-hội độ đặc-phộc nhân-tễ
100_ Một đà, phộc lộ chỉ đế
101_ La khắt-sái, la khắt-sái
102_ Ma ma
103_ Bà nga phộc đế
104_ Phộc lộ cát đế
105_ Sa-phộc hạ
106_ Ngu noa la nhạ
107_ Bát-la bà tế
108_ Sa-phộc hạ
109_ Tổ lật-chiết lật-yết
110_ Vĩ ma lê
111_ Sa-phộc hạ
112_ Tát lật-phộc cật-la nhạ
113_ Nhược khắt-sát đát-la,
114_ Đà nhĩ yết la noa

115 _ Sa-phộc hạ

Đức Phật bảo Đế Thích Thiên Chủ rằng: “**Vô Năng Thắng Phan Trang Nghiêm Đà La Ni** này thường ở trong ngoài gia hộ cho Ta. Ông nên trì Đà La Ni này. Dùng lụa tạp sắc làm cái bao để bọc rồi để trên tinh kỳ (Cây cờ trên gù có cắm lông) khiến cho nơi ông đi qua, hoặc nơi cùng đầu cùng đánh xe cùng giết với kẻ địch khác (tha địch), hoặc tranh giành ngôn từ với kẻ oán khác (tha oán) thì tất cả chôn không có gì không thắng được.

Ông nên tô vẽ Đà La Ni này, dùng bao đựng rồi cột trên cổ hộ trì cho ông. Tà cũng vì đời vị lai, tất cả xứ của Nhân Vương làm vệ hộ. Vô Năng Thắng Phan Vương Như Lai ấy hiện ra tướng Thiên Nữ ở ngay trước mặt ban cho vô úy, hộ trì được thắng, khiến cho quân chúng oán địch bị thất bại.

Nếu Nhân Vương ấy lại hay viết chép, lưu bố, thọ trì, đọc tụng ĐàLa Ni này thường được việc tốt lành thanh tịnh. Các oán địch bên ngoài không thể thắng được

Đức Phật nói Kinh này xong thì Đế Thích Thiên Chủ với các Thiên Chúng nghe lời Phật nói đều rất hoan hỷ, tin nhận phụng hành, làm lễ rồi lui ra .

PHẬT NÓI KINH VÔ NĂNG THẮNG PHAN TRANG NGHIÊM ĐÀ LA NI _Hết_

10/05/2006

dhvajāgrakeyurā dhāraṇī

namo ratna trayāya |

namo bhagavate dhvajāgra rājāya tathāgatāya arhate samyak sambuddhāya tadyathā |

jaya jaya vijaya vijaya jayavāhini-sam gari prabhañjani prabhañjani sarva śatruṇām jambhaya jambhaya stambhaya stambhaya mohaya mohaya bhagavati jayavāhini mātha mātha pra-mātha pra-mātha grasa grasa hasa hasa huṃ huṃ lambodari trinetre caturmukhe caturvaktre catur daṃṣṭre catur bhuje asi musala khaḍga trisūla vajra dhāraṇīrakṣa rakṣa mām |

bhagavati hana hana daha daha paca paca mātha mātha pramātha pramātha huṃ huṃ phaṭphaṭbhañja bhañja sarva śatruṇām |

dhvajāgra keyure tiṣṭhat tiṣṭhat triṣa ulkā dhāraṇī trailokyanātha vidhvamśaya para sainya rakṣa rakṣa mām cala cala cili cili culu culu kala kala kili kili kulu kulu muncatṭa hāsaya vidhvamśaya parasainya bhramaya |

buddha satyena dharma satyena saṃgha satyena satya vādinām satyena buddha satyāmatikrama dharma satyām atikrama saṃgha satyām atikrama satya vādinam satyamatikrama |

lambodare kuṭṭa kuṭṭa kuṭṭya kuṭṭya rudra mānaya biṣṇu mānaya candra sūrya mānaya trailokya adhipatya mānaya sarva devo mānaya sarva yakṣa rākṣasa gandharva kinnara mahoraga mānaya vidhvamsaya mama sarva śatru vaḥ rangha rangha ranghāpaya ranghāpaya jvala jvala puṣpa mālini liḍhi liḍhi triṣa triṣa bhṛkuti mukhaḥ parasainya kurucchedana karaṇha ha hi hi hu hu he he riṇi riṇi riṇā māte jayantu dhvaje |

buddhāvalokite rakṣa rakṣa mama bhagavatāvalokite svāhā | guṇa rāja prabhāse svāhā | suryārka vimale svāhā | sarva graha nakṣatra dā me karaṇa svāhā |